

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30- 9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Sinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Trần Ngọc Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐ-TA ngày 19-8-2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà PTQN; địa chỉ: Số 40/933 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 4 lô 90 khu D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Bị đơn:* Ông PTG; địa chỉ: Số 40/933 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà PTQN trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà PTQN và ông PTG kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố

Hải Phòng vào ngày 25 - 12 - 1989. Quá trình chung sống, hai bên có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2010, hai bên đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung một nhà. Gia đình và người thân đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2016, bà bỏ về nhà mẹ đẻ ở số 4 lô 90 khu D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng sống từ đó đến nay. Hai bên không còn quan tâm hoặc trách nhiệm với nhau. Nay xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống được, nên bà PTQN đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông PTG.

Về con chung: Bà PTQN và ông PTG có 02 con chung là G, sinh năm 1997 và H, sinh năm 1989 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn là ông PTG vắng mặt, không trình bày ý kiến.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định tại các Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn, bảo đảm quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà PTQN được ly hôn ông PTG, không giải quyết về con, tài sản chung. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án thụ lý, giải quyết tranh chấp về ly hôn bảo đảm quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xét xử vắng mặt bị đơn, phù hợp quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nhận định các tình tiết của vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà PTQN và ông PTG kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà PTQN và ông PTG là hợp pháp. Ông PTG vắng mặt tại phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử là một trong những căn cứ hợp pháp để đánh giá ông PTG từ bỏ nguyện vọng, mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh, phù hợp với trình bày của đương sự, thể hiện quan hệ giữa vợ chồng đương sự ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Quỳnh Hoa được ly hôn ông PTG, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà PTQN và ông PTG có 02 con chung là G, sinh năm 1997 và H, sinh năm 1989 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Bà PTQN đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà PTQN phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PTQN.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTQN được ly hôn ông PTG.

- Về con chung: Không yêu cầu giải quyết do hai con chung là G, sinh năm 1997 và H, sinh năm 1989 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi,

- Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà PTQN phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009983 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên bà PTQN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. B, quận C;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Sinh**